ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Công văn số: 241 /ĐT ngày 15 /07/2020)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
1	19021211	Dương Tú Anh	22/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
2	19021215	Đặng Thế Hoàng Anh	18/03/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
3	19021216	Nguyễn Trung Anh	17/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
4	19021207	Trần Quang Anh	26/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
5	19021214	Vũ Tú Anh	07/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
6	19021222	Trần Xuân Bách	28/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
7	19021225	Bùi Đăng Nam Bình	25/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
8	19021224	Trương Gia Bình	30/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
9	19021226	Nguyễn Thành Bổng	20/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
10	19021229	Đặng Trung Cương	19/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
11	19021231	Lê Mạnh Cường	02/03/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
12	19021230	Vũ Mạnh Cường	26/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
13	19021233	Mai Công Danh	29/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
14	19021241	Nguyễn Quang Diệu	01/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
15	19021244	Lê Tuấn Dũng	19/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
16	19021245	Trần Long Dũng	02/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
17	19021029	Nguyễn Bá Duy	07/02/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
18	19021252	Phạm Minh Duy	03/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
19	19021248	Đỗ Đại Dương	10/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
20	19021026	Nguyễn Tùng Dương	23/07/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
21	19021027	Phạm Đình Đăng Dương	13/04/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
22	19021236	Đỗ Văn Đạt	06/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
23	19021240	Nguyễn Trọng Đạt	06/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
24	19020061	Dương Ngân Hà	07/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
25	19021262	Nguyễn Quang Hà	05/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
26	19021036	Nguyễn Ngọc Hải	14/01/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
27	19021264	Nguyễn Văn Hải	26/05/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
28	19021042	Bùi Khánh Hiển	07/12/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
29	19021269	Nguyễn Sinh Hiển	31/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
30	19021041	Vũ Thế Hiến	26/02/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
31	19021043	Nguyễn Tuấn Hiệp	26/09/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
32	19021275	Bùi Minh Hiếu	30/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
33	19021274	Đặng Minh Hiếu	31/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
34	19021270	Đỗ Minh Hiếu	10/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
35	19021273	Đỗ Minh Hiếu	18/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
36	19021046	Phạm Minh Hiếu	07/01/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
37	19021281	Đinh Phú Hoàng	16/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
38	19021051	Lê Huy Hoàng	05/04/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
39	19021282	Phạm Minh Hoàng	17/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
40	19021288	Lê Thị Minh Hồng	03/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
41	19021053	Nghiêm Ngọc Hùng	01/03/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
42	19021289	Trần Khánh Hùng	12/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
43	19021300	Đỗ Quang Huy	13/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
44	19021059	Nguyễn Quốc Huy	19/05/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
45	19021057	Hoàng Văn Hưng	08/07/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
46	19021298	Nguyễn Thị Hường	21/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
47	19021311	Đặng Tiến Khánh	16/07/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
48	19021313	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
49	19021315	Phạm Thị Minh Khuê	19/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
50	19021319	Đặng Xuân lãm	22/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
51	19021322	Trần Thế Mạnh Long	28/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
52	19021321	Vũ Đức Long	06/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
53	19020036	Vũ Hoàng Long	06/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
54	19021324	Lê Thiên Lực	21/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
55	19021326	Phạm Ngọc Mai	17/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
56	19021328	Lê Xuân Mạnh	17/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
57	19021329	Nguyễn Tuấn Mạnh	29/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
58	19021077	Vũ Đức Mạnh	15/05/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
59	19021080	Dương Công Minh	29/04/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
60	19021333	Nguyễn Công Minh	15/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
61	19021332	Nguyễn Quang Minh	01/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
62	19021336	Trần Đồng Nam	31/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
63	19021337	Vũ Thế Nam	04/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
64	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	18/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
65	19021354	Hoàng Minh Quang	25/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
66	19021353	Mai Nhật Quang	02/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
67	19020065	Nguyễn Vinh Quang	06/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
68	19021350	Đỗ Mạnh Quân	21/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
69	19021364	Nguyễn Chí Thanh	30/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
70	19021370	Đào Duy Thượng	23/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
71	19021120	Phạm Minh Tiến	27/01/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
72	19021123	Hoàng Văn Toàn	08/03/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC2	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
73	19021124	Nguyễn Hải Toàn	11/04/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC2	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
74	19021373	Phí Trần Toàn	28/05/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
75	19021374	Phạm Thị Minh Trang	06/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
76	19021377	Đỗ Minh Trung	09/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC4	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
77	19021129	Đỗ Mạnh Tuấn	16/08/2001	QH-2019-I/CQ-M-CLC1	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
78	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	15/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
79	19021386	Chu Thanh Tùng	30/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
80	19020066	Hoàng Hữu Tùng	10/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
81	19021391	Đàm Thanh Văn	24/07/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
82	19021392	Trần Quang Việt	09/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
83	19021395	Nguyễn Thành Vinh	16/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
84	19021396	Phạm Thanh Vĩnh	13/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	HIS1001 40	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
85	19021213	Phan Hải Anh	20/09/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
86	19021209	Trương Thị Kiều Anh	23/09/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
87	19020092	Vũ Đình Việt Anh	26/04/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
88	19021400	Nguyễn Thị Vân Anh	22/06/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
89	19021408	Phạm Đức Anh	24/05/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
90	19021412	Nguyễn Lâm Anh	25/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
91	19021404	Nguyễn Thế Anh	06/09/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
92	19021208	Nguyễn Đức Anh	19/10/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
93	19021221	Ngô Xuân Bách	10/01/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
94	19021419	Phạm Đình Bình	02/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
95	19021234	Hà Văn Đạt	01/12/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
96	19021237	Nguyễn Thành Đạt	28/04/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
97	19021242	Hà Tiến Đức	24/09/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
98	19021243	Lò Anh Đức	01/02/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
99	19021438	Nguyễn Anh Đức	14/11/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
100	19021439	Phan Anh Đức	29/01/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
101	19021433	Đỗ Anh Đức	22/07/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
102	19021250	Phạm Quý Dương	10/04/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
103	19021254	Lê Thị Bích Duyên	20/07/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
104	19021259	Nguyễn Trường Giang	16/08/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
105	19021443	Trịnh Trường Giang	20/07/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
106	19021446	Hoàng Tuấn Hà	30/04/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
107	19021445	Nguyễn Mạnh Hà	15/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
108	19021265	Trần Thị Hằng	01/02/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
109	19021453	Nguyễn Minh Hiếu	24/05/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
110	19021454	Vũ Ngọc Hoàng Hiếu	22/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
111	19021276	Nguyễn Vũ Hiệu	06/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
112	19021458	Phan Mạnh Hoàng	10/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
113	19021456	Trần Quốc Hoàng	26/11/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
114	19021460	Nguyễn Việt Hoàng	13/10/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
115	19021459	Tô Hữu Hoàng	02/11/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
116	19020035	Cao Nguyễn Hùng	18/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
117	19021290	Nguyễn Văn Hùng	23/01/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
118	19021296	Nguyễn Thị Lan Hương	23/01/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
119	19021297	Trần Ngọc Hướng	11/12/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
120	19021304	Ngô Văn Huy	24/06/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
121	19021299	Nguyễn Đức Huy	17/11/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
122	19021468	Nguyễn Đăng Huy	02/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
123	19021464	Nguyễn Quang Huy	31/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
124	19021465	Trương Gia Huy	10/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
125	19021302	Hồ Quang Huy	02/05/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
126	19021473	Đỗ Minh Khôi	17/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
127	19021474	Trịnh Tuấn Khởi	08/03/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
128	19021476	Vũ Trung Kiên	07/11/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
129	19021477	Phạm Tùng Lâm	02/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
130	19021481	Nguyễn Văn Lợi	05/10/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
131	19021325	Nguyễn Hải Lưu	31/05/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
132	19021484	Nguyễn Trọng Mạnh	17/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
133	19021485	Bùi Đức Mạnh	12/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
134	19021491	Đinh Doãn Nam	28/06/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
135	19021493	Nguyễn Văn Nam	09/11/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
136	19021334	Bùi Hoàng Nam	21/09/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
137	19021341	Nguyễn Duy Ngọc	07/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
138	19021495	Nguyễn Trung Nguyên	13/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
139	19021343	Nguyễn Thị Nhung	20/10/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
140	19021349	Võ Minh Quân	30/08/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
141	19021355	Ngô Đình Ngọc Quang	01/02/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
142	19021356	Trần Văn Quang	09/04/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
143	19021359	Kiều Thái Sơn	23/04/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
144	19021358	Nguyễn Thế Sơn	30/09/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
145	19021363	Nguyễn Minh Thái	02/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
146	19021514	Phạm Đức Thành	27/05/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
147	19021369	Ngô Quang Thiện	06/04/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
148	19021521	Chu Thanh Toàn	11/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
149	19021522	Lê Ngọc Toản	08/05/2000	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
150	19021523	Lê Kiều Trang	13/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
151	19021525	Nguyễn Văn Triệu	09/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
152	19020073	Phạm Đức Trung	16/01/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
153	19021380	Tào Văn Trường	19/09/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
154	19021527	Cấn Quang Trường	05/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
155	19021528	Trần Xuân Trường	05/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
156	19021526	Nguyễn Xuân Trường	06/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
157	19021530	Nguyễn Hữu Tú	16/10/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
158	19021385	Đào Xuân Tùng	08/08/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
159	19021533	Hoành Mạnh Tùng	11/02/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
160	19021388	Kiều Văn Tuyên	01/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
161	19021387	Kiều Văn Tuyên	07/11/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
162	19021389	Nguyễn Thị Hồng Vân	04/05/2000	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
163	19021537	Lê Quốc Việt	13/05/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
164	19021538	Ngô Quốc Việt	01/08/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
165	19021394	Nguyễn Đức Vinh	18/02/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
166	19021539	Dương Hoàng Vinh	24/12/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
167	19021397	Phạm Văn Vũ	22/03/2001	QH-2019-I/CQ-CA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
168	19021541	Nguyễn Tuấn Vũ	07/10/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
169	19021540	Đỗ Thái Vũ	12/03/2001	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC2	HIS1001 41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐK lần đầu
170	16020300	Bùi Đức Anh	02/06/1998	QH-2016-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học lại
171	19021208	Nguyễn Đức Anh	19/10/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
172	19021216	Nguyễn Trung Anh	17/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
173	19021207	Trần Quang Anh	26/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
174	19021224	Trương Gia Bình	30/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
175	19021229	Đặng Trung Cương	19/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
176	19021230	Vũ Mạnh Cường	26/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
177	19021245	Trần Long Dũng	02/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
178	19021252	Phạm Minh Duy	03/12/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
179	19021237	Nguyễn Thành Đạt	28/04/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
180	19020061	Dương Ngân Hà	07/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
181	19021262	Nguyễn Quang Hà	05/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
182	19021274	Đặng Minh Hiếu	31/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
183	19021270	Đỗ Minh Hiếu	10/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
184	19021281	Đinh Phú Hoàng	16/10/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
185	18020557	Nguyễn Huy Hoàng	22/11/1999	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
186	19021282	Phạm Minh Hoàng	17/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
187	19021289	Trần Khánh Hùng	12/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
188	19021300	Đỗ Quang Huy	13/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
189	18020649	Nguyễn Quang Huy	08/01/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
190	19021311	Đặng Tiến Khánh	16/07/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
191	19021313	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
192	18020691	Trần Quốc Khánh	02/09/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
193	18020763	Phùng Thị Khánh Linh	08/06/1999	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
194	18020852	Lê Kim Long	06/02/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
195	19020036	Vũ Hoàng Long	06/11/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
196	19021329	Nguyễn Tuấn Mạnh	29/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
197	16020258	Nguyễn Phạm Việt Nam	03/09/1998	QH-2016-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học lại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
198	19021336	Trần Đồng Nam	31/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
199	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	18/06/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
200	18020963	Nguyễn Đình Ngọc	24/06/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
201	19021356	Trần Văn Quang	09/04/2001	QH-2019-I/CQ-T-CLC	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
202	19021350	Đỗ Mạnh Quân	21/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
203	19021370	Đào Duy Thượng	23/08/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
204	19021386	Chu Thanh Tùng	30/04/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
205	19020066	Hoàng Hữu Tùng	10/02/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
206	19021396	Phạm Thanh Vĩnh	13/01/2001	QH-2019-I/CQ-C-A-CLC3	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
207	18020527	Nguyễn Duy Hòa	25/10/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học lại
208	18020543	Nguyễn Lê Hoàng	29/10/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
209	18020958	Vũ Minh Ngọc	16/10/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
210	18020969	Trần Phan Nguyễn	24/11/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
211	18021002	Nguyễn Trung Phong	22/12/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
212	18021069	Hoàng Như Quỳnh	19/08/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
213	18021121	Dương Văn Tân	01/09/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
214	18020758	Hoàng Phương Linh	09/01/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
215	18021009	Nguyễn Quang Phúc	30/07/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
216	18021173	Nguyễn Xuân Thành	24/01/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
217	18020554	Nguyễn Việt Hoàng	30/03/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
218	18021346	Lộc Phi Trưởng	24/07/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
219	18020967	Vũ Đức Nguyên	22/02/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
220	18021159	Đỗ Trịnh Quốc Thắng	05/06/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
221	18020370	Nguyễn Mạnh Dũng	20/11/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
222	18021174	Trần Trung Thành	18/09/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
223	18020544	Nguyễn Xuân Hoàng	22/09/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
224	18020439	Nguyễn Phúc Hải	29/03/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
225	18020715	Nguyễn Văn Khiêm	04/07/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
226	18020906	Nguyễn Đức Minh	07/10/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
227	18021319	Đinh Thành Trung	10/01/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
228	18020214	Lê Minh Bình	19/12/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
229	18021338	Nguyễn Xuân Trường	14/12/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC1	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
230	18020710	Nguyễn Quốc Khánh	02/12/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
231	18021173	Nguyễn Xuân Thành	24/1/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
232	18020790	Nguyễn Duy Long	27/7/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
233	18020403	Lương Tuấn Dương	14/6/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
234	18020670	Bùi Đức Khải	29/11/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học lại
235	18020386	Nguyễn Đức Dương	1/9/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
236	18020792	Nguyễn Phi Long	21/09/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
237	18020810	Hồ Tuấn Long	17/04/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	ĐK lần đầu
238	18020106	Nguyễn Quốc An	16/01/2000	QH-2018-I/CQ-C-A-CLC2	MAT1101 40	Xác suất thống kê	Học tự do
239	18020199	Đậu Hữu Bằng	07/05/2000	QH-2018-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
240	18020198	Võ Lương Bằng	18/10/2000	QH-2018-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
241	16020908	Nguyễn Tiến Dũng	17/02/1998	QH-2016-I/CQ-C-B	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
242	18020392	Hoàng Văn Dương	12/07/1998	QH-2018-I/CQ-K1	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	ĐK lần đầu
243	17020692	Đào Anh Đức	26/04/1999	QH-2017-I/CQ-C-F	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
244	16021572	Hoàng Thái Hà	18/05/1998	QH-2016-I/CQ-N	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
245	17020742	Nguyễn Đức Hiếu	06/01/1999	QH-2017-I/CQ-C-K	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
246	16020958	Nguyễn Trung Hiếu	19/01/1998	QH-2016-I/CQ-C-D	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
247	16020980	Trần Đức Học	11/02/1997	QH-2016-I/CQ-C-C	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
248	17021155	Lê Văn Hợp	21/06/1999	QH-2017-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
249	16020999	Nguyễn Quang Huy	13/02/1998	QH-2016-I/CQ-C-C	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
250	16022183	Vũ Đăng Huy	16/01/1998	QH-2016-I/CQ-N	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
251	17020184	Nguyễn Mạnh Hưng	01/09/1998	QH-2017-I/CQ-C-K	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
252	17021159	Nguyễn Thị Lan Hương	29/06/1999	QH-2017-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
253	17020825	Lê Văn Hướng	03/05/1999	QH-2017-I/CQ-C-K	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
254	16022094	Phan Nguyên Lâm	18/06/1998	QH-2016-I/CQ-T	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
255	15021988	Lê Văn Lợi	06/10/1990	QH-2015-I/CQ-C-A-C	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
256	18020043	Nguyễn Hải Nam	30/12/2000	QH-2018-I/CQ-C-D	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học cải thiện
257	17021199	Nguyễn Hoài Nam	13/12/1999	QH-2017-I/CQ-C-A-C	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
258	17021202	Hoàng Tích Phúc	10/03/1999	QH-2017-I/CQ-A-E	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	ĐK lần đầu
259	16021636	Phạm Văn Quyến	11/02/1998	QH-2016-I/CQ-N	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
260	17021040	Phạm Đình Thi	25/12/1999	QH-2017-I/CQ-C-H	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
261	17021169	Nguyễn Duy Thức	15/11/1997	QH-2017-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
262	18021356	Phí Văn Tuân	24/08/2000	QH-2018-I/CQ-K1	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	ĐK lần đầu
263	16021355	Vũ Quốc Tuấn	23/03/1998	QH-2016-I/CQ-T	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
264	18021414	Đỗ Ngọc Thanh Vân	29/07/2000	QH-2018-I/CQ-J	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại
265	16021432	Trần Duy Việt	28/04/1998	QH-2016-I/CQ-C-A-C	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp khóa học	Mã LMH	Tên môn học	Ghi chú
266	14020556	Đỗ Văn Vinh	28/11/1996	QH-2014-I/CQ-T	INT2204 30	Lập trình hướng đối tượng	Học lại